

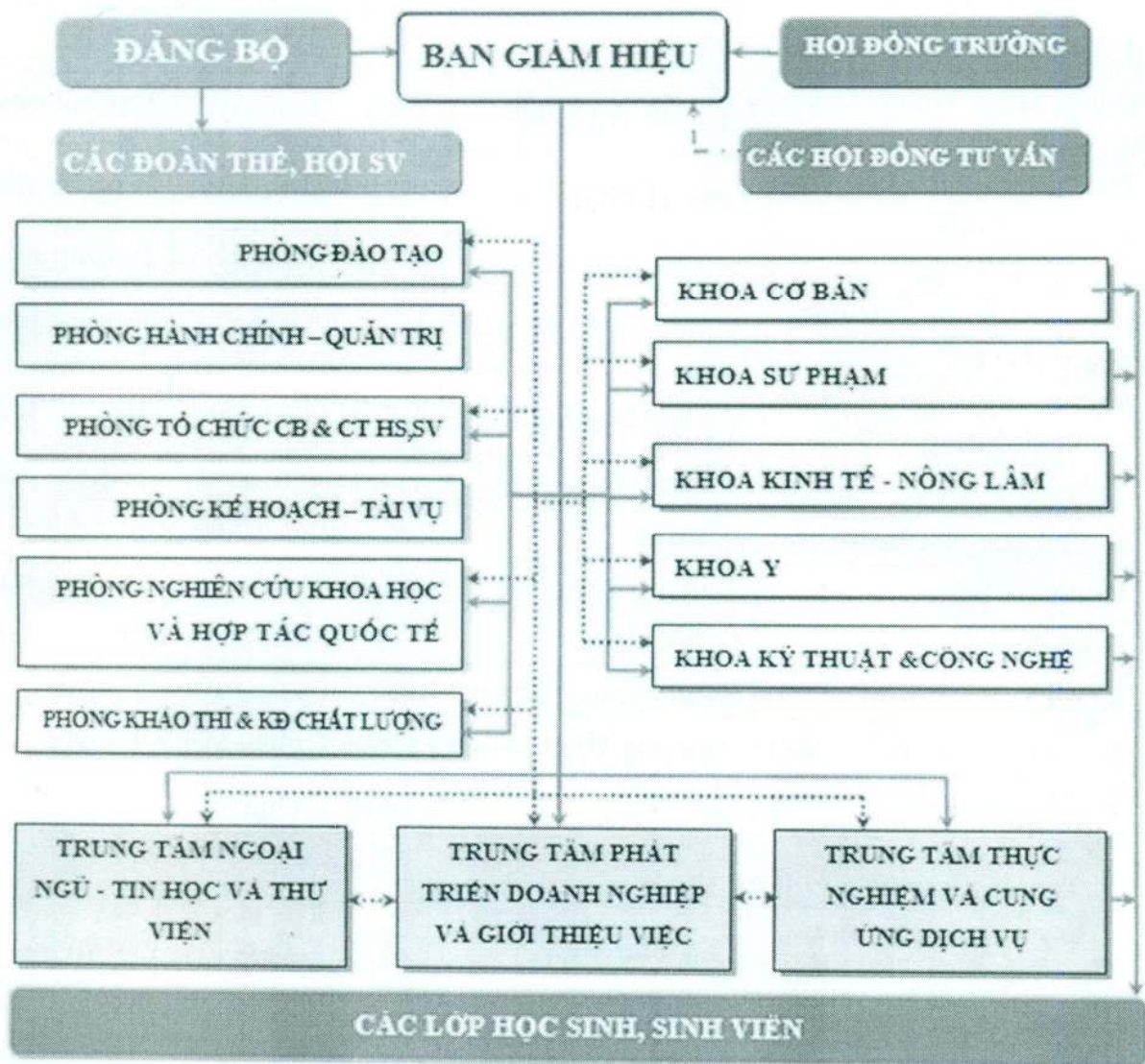
BÁO CÁO HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG NĂM 2019

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1 Cơ cấu tổ chức



Ghi chú:
→ Mối quan hệ chỉ đạo
.....→ Mối quan hệ phối hợp

1.2 Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt

| Các bộ phận | Họ và tên | Năm sinh | Học vị | Chức danh, Chức vụ |
|---|-------------------|----------|---------|--------------------|
| 1. Ban Giám hiệu | Đặng Xuân Thọ | 1960 | Thạc sỹ | Hiệu Trưởng |
| | Nguyễn Bình Dân | 1963 | Thạc sỹ | P. Hiệu trưởng |
| | Nguyễn Trung Hiếu | 1977 | Thạc sỹ | P. Hiệu trưởng |
| 2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn | | | | |
| Đảng bộ | Đặng Xuân Thọ | 1960 | Thạc sỹ | Bí thư |
| Công Đoàn | Nguyễn Trung Hiếu | 1977 | Thạc sỹ | Chủ tịch |
| Đoàn Thanh niên | Nguyễn Hồng Phong | 1984 | Thạc sỹ | Bí thư |
| 3. Trưởng các phòng chức năng | | | | |
| Phòng Hành chính- Quản trị | Nguyễn An Huân | 1966 | Thạc sỹ | Trưởng phòng |
| Phòng Tổ chức cán bộ- Công tác HSSV | Trần Thị Kim Anh | 1970 | Cử nhân | Trưởng phòng |
| Phòng Đào Tạo | Huỳnh Văn Chung | 1978 | Tiến sỹ | Trưởng phòng |
| Phòng Nghiên cứu khoa học và HTQT | Nguyễn Văn Giang | 1974 | Tiến sỹ | Trưởng phòng |
| Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng | Võ Đại Nam Anh | 1967 | Thạc sỹ | Trưởng phòng |
| Phòng Kế hoạch- Tài vụ | Lê Thị Hồng Nga | 1980 | Cử nhân | Trưởng phòng |
| 4. Trưởng các khoa chuyên môn | | | | |
| Khoa Cơ bản | Nguyễn Hữu Hà | 1974 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa Sư phạm | Lê Văn Bồn | 1964 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa Y | Đình Quang Thuận | 1971 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa Kinh tế- Nông lâm | Nguyễn Thành Hiền | 1978 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa Kỹ thuật và Công nghệ | Nguyễn Minh Hoàng | 1977 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| 5. Trưởng các đơn vị trực thuộc | | | | |
| Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ và Thư viện | Giã Tấn Việt | 1975 | Thạc sỹ | Giám đốc |
| Trung tâm phát triển doanh nghiệp - Giới thiệu việc làm | Nguyễn Hiền | 1971 | Kỹ sư | Giám đốc |
| Trung tâm Thực nghiệm và Cung ứng dịch vụ | Trần Đình Dũng | 1972 | Thạc sỹ | Giám đốc |

1.3 Tổng số cán bộ, giáo viên của nhà trường:

- Tổng số cán bộ, giáo viên của nhà trường: 278 người, trong đó:

+ Nam: 139 người

+ Nữ: 139 người

1.4 Đội ngũ giáo viên

- Đội ngũ giáo viên: 225 người, trong đó:

+ Nam: 119 người

+ Nữ: 106 người

| GV cơ hữu | | | |
|------------------|------------|------------|------------|
| Trình độ đào tạo | Nam | Nữ | Tổng số |
| Tiến sĩ | 3 | 0 | 3 |
| Thạc sĩ | 61 | 64 | 125 |
| Đại học | 53 | 39 | 92 |
| Cao đẳng | 1 | 1 | 2 |
| Trung cấp | 1 | 2 | 3 |
| Tổng số | 119 | 106 | 225 |

2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh

| TT | Tên nghề | Quy mô tuyển sinh | Ghi chú |
|----------|----------------------------|-------------------|---------|
| I | Cao đẳng | | |
| 1 | Giáo dục Mầm non | 30 | |
| 2 | Giáo dục Tiểu học | 20 | |
| 3 | Sư phạm Tin học | 20 | |
| 4 | Sư phạm Tiếng Anh | 20 | |
| 5 | Kế toán | 50 | |
| 6 | Quản trị kinh doanh | 50 | |
| 7 | Hệ thống thông tin quản lý | 50 | |
| 8 | Quản lý đất đai | 50 | |
| 9 | Lâm sinh | 40 | |
| 10 | Khoa học cây trồng | 40 | |
| 11 | Chăn nuôi | 40 | |

| TT | Tên nghề | Quy mô tuyển sinh | Ghi chú |
|-----------|---|------------------------------|----------------|
| 12 | Dịch vụ pháp lý | 30 | |
| 13 | Tiếng Anh du lịch | 60 | |
| 14 | Tin học ứng dụng | 30 | |
| 15 | Thiết kế đồ họa | 30 | |
| 16 | Quản trị mạng máy tính | 30 | |
| 17 | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | |
| 18 | Công tác xã hội | 70 | |
| 19 | Quản trị văn phòng | 40 | |
| 20 | Công nghệ ô tô | 30 | |
| 21 | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 30 | |
| 22 | Chế tạo thiết bị cơ khí | 30 | |
| II | Trung cấp | | |
| 1 | Tài chính - Ngân hàng | 50 | |
| 2 | Kế toán doanh nghiệp | 50 | |
| 3 | Kế toán hành chính sự nghiệp | 50 | |
| 4 | Quản lý đất đai | 50 | |
| 5 | Lâm sinh | 40 | |
| 6 | Quản lý tài nguyên rừng | 40 | |
| 7 | Trồng trọt | 40 | |
| 8 | Trồng cây công nghiệp | 40 | |
| 9 | Bảo vệ thực vật | 40 | |
| 10 | Chăn nuôi - Thú y | 40 | |
| 11 | Pháp luật | 60 | |
| 12 | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | 30 | |
| 13 | Thiết kế đồ họa | 30 | |
| 14 | Quản trị mạng máy tính | 30 | |

| TT | Tên nghề | Quy mô tuyển sinh | Ghi chú |
|------------|---------------------------------------|------------------------------|----------------|
| 15 | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | 30 | |
| 16 | Văn thư hành chính | 40 | |
| 17 | Hành chính văn phòng | 40 | |
| 18 | Điều dưỡng | 40 | |
| 19 | Y sỹ | 40 | |
| 20 | Dược | 40 | |
| 21 | Hộ sinh | 40 | |
| 22 | Công nghệ ô tô | 50 | |
| 23 | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 30 | |
| 24 | Chế tạo thiết bị cơ khí | 30 | |
| 25 | Vận hành máy thi công nền | 25 | |
| 26 | Điện công nghiệp | 70 | |
| 27 | Vận hành điện trong nhà máy thủy điện | 60 | |
| 28 | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | 40 | |
| 29 | Cắt gọt kim loại | 10 | |
| 30 | Hàn | 30 | |
| 31 | May thời trang | 60 | |
| III | Sơ cấp | | |
| 1 | Nhân viên y tế thôn, làng | 100 | |
| 2 | Hàn điện | 50 | |
| 3 | May dân dụng | 150 | |
| 4 | Vận hành máy xúc | 60 | |
| 5 | Ne hoàn thiện | 80 | |
| 6 | Kỹ thuật chế biến món ăn | 120 | |
| 7 | Lái xe ô tô hạng B2 | 250 | |
| 8 | Lái xe ô tô hạng C | 70 | |

2.2. Số lượng học sinh, sinh viên

| TT | TÊN NGHỀ VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|------------|--|-------------|---------|
| I | CAO ĐẲNG | 113 | |
| 1 | Giáo dục mầm non | 45 | |
| 2 | Giáo dục Tiểu học | 20 | |
| 3 | SP Tiếng Anh | 20 | |
| 4 | Công tác xã hội | 15 | |
| 5 | Lâm sinh | 13 | |
| II | TRUNG CẤP | 129 | |
| 1 | Công nghệ Ô tô | 53 | |
| 2 | Điện công nghiệp | 31 | |
| 3 | Máy Thời trang | 45 | |
| III | SƠ CẤP | 382 | |
| 1 | Đào tạo lái xe B2, C | 254 | |
| 2 | Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục | 47 | |
| 3 | Tiếng DTTS (Bahnar) | 81 | |
| III | ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN (Dưới 3 tháng) | 1310 | |
| 1 | Vận hành điện trong nhà máy điện | 46 | |
| 2 | Kỹ thuật chế biến món ăn | 74 | |
| 3 | Đào tạo, bồi dưỡng CB quản lý Y tế | 449 | |
| 4 | Tiếng Anh trình độ B | 741 | |

3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

- Đơn vị phụ trách: Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng

- Số lượng cán bộ: 8 người

- Nhiệm vụ:

+ Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng và trình Hiệu trưởng phê duyệt;

+ Đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đề xuất các biện pháp thực hiện xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng đúng tiến độ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng;

+ Báo cáo kết quả xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo yêu cầu của người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Điện thoại: 0260.3864047 - 0260.3910001

- Email: ktdbcl.cdcdkt@gmail.com

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

1.1 Đặt vấn đề

Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp có ý nghĩa quan trọng để duy trì và cải tiến chất lượng đặc biệt đối với nhà trường trong xu thế tiếp cận với công nghệ tiên tiến.

Công tác đảm bảo chất lượng là sự cải tiến liên tục, có hệ thống, có cấu trúc đến chất lượng trong việc duy trì và nâng cao chất lượng. Để xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng nhà trường cần xây dựng chính sách chất lượng, tuyên bố mục tiêu chất lượng, xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu nhằm đảm bảo thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển của nhà trường.

Tuy Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum mới được thành lập trên cơ sở sát nhập 4 cơ sở giáo dục trên đại bàn tỉnh nhưng đã xác định mục tiêu quan trọng của công tác xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong và định hướng rõ ràng cho đảm bảo chất lượng bên ngoài nhằm phát triển công tác đảm bảo chất lượng mang tính ổn định và bền vững.

Nhà trường luôn đặt vấn đề chất lượng lên hàng đầu trong công tác đào tạo vì vậy lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm, chỉ đạo xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong đảm bảo đúng nguyên tắc, thực hiện xây dựng và triển khai kế hoạch đáp ứng yêu cầu thực tiễn của nhà trường đồng thời yêu cầu các đơn vị trong trường thực hiện đầy đủ việc xây dựng các danh mục quản lý chất lượng theo yêu cầu của công tác đảm bảo chất lượng: Mục tiêu chất lượng, kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng, các quy trình công cụ đảm bảo chất lượng và báo cáo tự đánh giá của từng đơn vị để xác định mức độ đạt đạt các tiêu chí, tiêu chuẩn theo thang đánh giá để từng bước nâng cao chất lượng trong từng lĩnh vực quản lý của nhà trường.

Tuy nhiên vì là cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới thành lập và lĩnh vực quản lý chất lượng trong giáo dục nghề nghiệp còn mới nên kết quả việc xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng của nhà trường còn một số nội dung chưa hoàn thiện. Vì vậy thời gian đến đến với sự cố gắng nỗ lực của cán bộ, giáo viên của nhà trường để xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng mang tính tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của nhà trường trong tương lai.

1.2 Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

a) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường và nâng cao nhận thức của đội ngũ quản lý, viên chức, nhà giáo và học sinh sinh viên về tầm quan trọng của công tác đảm bảo chất lượng đối với sự phát triển của nhà trường.

- Xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống BDCL thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển của nhà trường.

c) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn.

- Nhân mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường và lấy người học làm trung tâm.

- Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học trong nhà trường.

- Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.

- Phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hoá các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

d) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Công tác chuẩn bị.

+ Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho Phòng Khảo thí-ĐBCL đơn vị phụ trách công tác bảo đảm chất lượng.

+ Đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng.

+ Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên.

- Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng.

+ Xây dựng chính sách chất lượng

+ Xây dựng mục tiêu chất lượng

- + Xây dựng sổ tay bảo đảm chất lượng
- + Xây dựng quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng
- + Thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.
- Phê duyệt và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.
- + Hiệu trưởng phê duyệt các nội dung thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng trước khi vận hành hệ thống trong nhà trường.
- + Hệ thống bảo đảm chất lượng được công bố công khai để toàn thể cán bộ, nhà giáo, nhân viên và các đối tượng có liên quan trong trường biết và triển khai thực hiện.
- Đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng.
- + Xây dựng kế hoạch
- + Thực hiện đánh giá hệ thống;
- + Phê duyệt báo cáo, công bố và lưu trữ.

1.3 Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Thực hiện đào tạo đa cấp, đa ngành, đa hệ trong công tác tổ chức đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh, khu vực và hướng đến quốc tế.

b) Đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và khoa học - công nghệ tiên tiến trong chỉ đạo, quản lý, điều hành; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong tổ chức đào tạo.

c) Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo, có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến để đáp ứng các yêu cầu của thị trường lao động.

d) Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế và tổ chức các hoạt động sản xuất, dịch vụ phục vụ doanh nghiệp, địa phương, cộng đồng.

e) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn tối thiểu về thiết bị theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tiếp tục bổ sung thiết bị đào tạo công nghệ tiên tiến, hiện đại phù hợp với từng ngành nghề đào tạo.

f) Mở rộng, tăng cường mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, tổ chức kinh doanh, dịch vụ trong đào tạo, giải quyết việc làm cho người học và tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo.

g) Phát huy các tiềm năng nguồn lực trong trường, xây dựng nhà trường thành một tập thể vững mạnh mọi mặt, gia tăng vị thế cạnh tranh của nhà trường trong nước và khu vực.

1.4 Mục tiêu chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Đảm bảo 100% HSSV các chuyên ngành đào tạo của Trường được trang bị những kỹ năng mềm cần thiết để thích ứng với đời sống xã hội và tìm kiếm việc làm sau khi ra trường; Phát huy tính tự giác, tích cực và vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn; Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, bước đầu làm quen với lĩnh vực NCKH; 100% HSSV được tổ chức tư vấn trong quá trình đào tạo về thị trường lao động và giới thiệu việc làm sau khi tốt nghiệp; có 60%-70% HSSV có việc làm sau khi tốt nghiệp.

b) Tất cả nhà giáo phải thực hiện việc đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm, vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, hiện đại; ứng dụng công nghệ thông tin, thư viện số trong giảng dạy; thực hiện nghiêm túc việc biên soạn giáo trình, đề cương chi tiết, chương trình môn học/mô đun theo quy định; Đảm bảo có 10% nhà giáo đăng ký tham gia Hội giảng, hội thi thiết bị đào tạo cấp trường; có ít nhất 05 nhà giáo đạt kết quả cao được cử tham gia Hội giảng, hội thi cấp Tỉnh.

c) Duy trì, mở rộng liên kết với ít nhất 50 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, toàn quốc và hướng đến các đối tác doanh nghiệp nước ngoài, trong đó tương tác kết nối với 10 doanh nghiệp lớn để triển khai các hoạt động đào tạo, xác định nhu cầu đào tạo và giải quyết việc làm.

d) Đẩy mạnh hoạt động NCKH trong nhà trường, đảm bảo mỗi đơn vị trực thuộc có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cấp trường; có ít nhất 03 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cấp tỉnh ứng dụng hiệu quả trong giảng dạy, sản xuất kinh doanh; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng các phần mềm ứng dụng trong quản lý, điều hành.

e) Xây dựng các dự án về đào tạo nguồn nhân lực gắn với bổ sung thiết bị hiện đại, tiến tiến phục vụ cho đào tạo chất lượng cao. Sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá tại các cơ sở đào tạo của trường.

1.5 Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

a) Chính sách chất lượng

b) Mục tiêu chất lượng

- Mục tiêu chất lượng của nhà trường
- Mục tiêu chất lượng của từng đơn vị trong trường

c) Quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng

- Nhà trường đã thẩm định ban hành 18 quy trình đảm bảo chất lượng trong đợt 1 năm 2019 và tiếp tục thẩm định ban hành 12 quy trình trong đợt 2 năm 2019.

d) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

Nhà trường đã giao cho Trung tâm Ngoại ngữ- Tin học –Thư viện thực hiện xây dựng Phần mềm quản lý với 7 mô đun đang hoạt động trong đó có các thông tin bảo

đảm chất lượng của các hoạt động quản lý chính trong nhà trường: Quản lý đào tạo, Quản lý nhân sự, Quản lý thi và kiểm tra đánh giá, Quản lý nghiên cứu khoa học,...

1.6 Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

- Đơn vị chủ trì công tác: Trung tâm Ngoại ngữ- Tin học – Thư viện.

- Cơ sở dữ liệu: Được xây dựng trên nền tảng .NET với cơ sở dữ liệu SQL. Phần mềm quản lý được nhóm tin học của trường thực hiện đang ở giai đoạn hình thành cơ bản các dữ liệu thông tin để phục vụ công tác quản lý trong đó có thông tin về bảo đảm chất lượng.

- Hạ tầng thông tin: Đang trong giai đoạn hoàn thiện để phục vụ cho việc vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng trong nhà trường.

2. Đánh giá, cải tiến

2.1 Đánh giá:

a) Tổng số đợt đánh giá: 01 đợt

b) Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá: 14 đơn vị

2.2 Cải tiến

a) Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến

| Nội dung thống kê | Số lượng | Ghi chú |
|---------------------------------------|----------|---------|
| Tổng số nội dung đang vận hành | 04 | |
| Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa | 02 | |
| Số lượng nội dung được bổ sung | 01 | |
| Số lượng nội dung loại bỏ | 00 | |

b) Các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng được cải tiến

| Nội dung thống kê | Số lượng | Ghi chú |
|---|----------|---------|
| Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành | 18 | |
| Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa | 02 | |
| Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung | 10 | |
| Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ | 00 | |

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

- Nhà trường luôn quan tâm và nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác đảm bảo chất lượng đối với sự ổn định và phát triển của nhà trường.

- Hệ thống đảm bảo chất lượng được xây dựng tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc, thực hiện đầy đủ các bước hướng dẫn theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Chưa xây dựng được sổ tay quản lý chất lượng theo quy định của Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH.

- Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng được xây dựng chưa hoàn thiện, còn nhiều nội dung đang phải chỉnh sửa để đáp ứng theo yêu cầu thực tiễn.

3. Nguyên nhân:

- Do ổn định về công tác tổ chức của 1 trường mới thành lập nhất là công tác đảm bảo chất lượng còn mới và cán bộ, nhân viên làm công tác chuyên trách về đảm bảo chất lượng chỉ kiêm nhiệm.

- Cơ sở dữ liệu và hạ tầng thông tin có một số nội dung còn bất cập, chưa phù hợp với chức năng quản lý của từng đơn vị chức năng trong nhà trường.

4. Đề xuất, kiến nghị:

- Cơ quan quản lý trực tiếp của trường có sự quan tâm, chỉ đạo và tạo điều kiện để nhà trường phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng mang tính tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của nhà trường.

- Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về bảo đảm chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp sớm có những văn bản hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng các danh mục quản lý chất lượng trong từng lĩnh vực quản lý và có sự kết nối thông tin đảm bảo chất lượng trên toàn quốc.

Trên đây là Báo cáo hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2019 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum ./.

Nơi nhận: *Handwritten signature*

- Tổng cục GDNN;
- UBND tỉnh Kon Tum;
- Sở LĐTBXH tỉnh Kon Tum;
- Lưu: VT, KT-ĐBCL.



Đặng Xuân Thọ